

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2021/DS - PT

Ngày: 25/3/2021

V/v: “*Tranh chấp tài sản thừa kế, yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất, chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường

Ông Phạm Việt Cường

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Phong, Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Ý Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp tài sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia tài sản chung*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 852/2021/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Phan Tiên T; địa chỉ: Lô 15, Ô 2, Hòn R, Phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ánh H; địa chỉ: Hẻm 1, đường N1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: 606 Westover Dr Highpoint, NC27265, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Bạch T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ông Nguyễn Văn T2, địa chỉ: 606 Westover Dr Highpoint, NC27265, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T3; địa chỉ tại: 102 Đường N2, phường P1, thành phố N, Khánh Hòa. Có mặt.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Trần Thị Nguyên Th
2. Ông Trần Sỹ Ng
3. Ông Trần Nguyên H1
4. Bà Trần Thị Nguyên Huy H2.

Cùng địa chỉ: Số 606 Westover Dr, Highpoint, NC 27265, Hoa Kỳ.

5. Bà Phan Thị Th3; địa chỉ: 25 Kiileen Treet West Sunshine, Úc.

6. Bà Phan Thị Mỹ L1;

7. Ông Phan Tiên Ph;

Cùng địa chỉ: 3730 Crestview Dr grend Tx 75042, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ph, bà L1, bà Th: Ông Phan Tiên T; địa chỉ: Lô 15, Ô 2, Hòn R, Phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

8. Bà Phan Thị Tr; địa chỉ: số 46 đường S, Phường Y, Quận Y1, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Phan Tiên Th1;

10. Ông Phan Tiên L2;

Cùng địa chỉ: 3730 Crest View Dr.Garland TX 75042 USA.

11. Bà Đào Thị Th2; địa chỉ: Thôn TĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa.

12. Bà Phan Thị N3;

13. Ông Phan Tiên Ph;

Cùng địa chỉ: 3833 Eve Rosemeaca CA 91770 USA.

14. Ông Đào Trọng V3; địa chỉ: 8901 Anthony Ave, #3 Garden Grove, CA, 92841, Hoa Kỳ.

15. Bà Trương Thị H3; địa chỉ: số 17/1C Đường N4, phường TT, quận T4, TP. Hồ Chí Minh.

16. Ông Lê Trường A; địa chỉ: số 380/81/14 đường P2, phường Y2, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

17. Bà Đào Thị Thùy Nh; địa chỉ: số 15A Đường N4, phường TT, quận T4, TP. Hồ Chí Minh.

18. Bà Đào Thị T5; địa chỉ: Tổ 1 thị trấn V5, V1, Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V3, bà H3, ông A, bà Nh, bà T5: Ông Phan Tiên T; địa chỉ: Lô 15, Ô 2, Hòn R, Phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

19. Ông Đào Thanh Q

20. Bà Võ Thị Xuân Ng1

21. Ông Đào Thanh T6

22. Ông Đào Thanh H4

23. Ông Đào Thanh H5
Cùng trú tại: Thôn TĐT, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa.
24. Bà Đào Thị Thanh T7;
25. Bà Đào Thị N5;
Cùng địa chỉ: 151 phố H6, phường H6, Quận H7, Hà Nội.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng1, ông T6, ông H4, ông H5, bà T7, bà N5: Ông Đào Thanh Q; địa chỉ: 151 phố H6, phường H6, Quận H7, Hà Nội.
26. Bà Phan Ánh T8; địa chỉ: Thôn M1, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa.
27. Bà Nguyễn Thị Bạch S1; địa chỉ: 24/3 đường số 23, phường H8, quận T8, TP. Hồ Chí Minh.
28. Bà Nguyễn Thị Bạch Đ1 - không ai biết địa chỉ, thông tin gì về bà Đào.
29. Ông Nguyễn Khắc Điền V4; địa chỉ: số 167 thị trấn V5, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa.
30. Ông Nguyễn Khắc Điền V5 - không ai biết địa chỉ, thông tin về ông V5.
31. Ông Nguyễn Khắc Điền V6 - không ai biết địa chỉ, thông tin về ông V6
32. Ông Trần Văn S2;
33. Ông Trần Minh C1;
Cùng địa chỉ: 163/3 đường THT, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
34. Bà Trần Thị Minh Kh; địa chỉ: số 322/1 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
35. Bà Phan Thị C2;
36. Bà Phan Thị H9 (Phan Thị Kim A1);
Cùng địa chỉ: 3831 IVAR Ave Rosemead CA 91770 USA.
37. Ông Huỳnh Bá S3; địa chỉ: Thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.
38. Bà L3 Thị R; địa chỉ: Thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa.
39. Bà Nguyễn Thị V7. Địa chỉ: 606 Westover Dr Highpoint, NC27265, USA.
Người đại diện theo ủy quyền của bà V7: Ông Lê Văn T3; địa chỉ: 102 Đường N2, phường P1, Thành phố N, Khánh Hòa.
40. Ủy ban nhân dân huyện V1, tỉnh Khánh Hòa.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành T9 – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V1.
- * **Người kháng cáo:** Nguyên đơn ông Phan Tiên T; bị đơn bà Nguyễn Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị V7;
* **Viện kiểm sát kháng nghị:** Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Phan Tiên T và đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:

1. Bà Phan Thị Th10 (chết 1974); chồng là ông Nguyễn C3 (chết 1993). Bà Th10 và ông C3 có 03 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn T2; bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị V7.

2. Ông Phan Vu H10 (chết 1994); vợ Nguyễn Thị M1 (chết). Ông H10 và bà M1 có 09 người con gồm: Phan Tiên T, Phan Thị Mỹ L1, Phan Thị Th3, Phan Thị Tr, Phan Tiên Th1, Phan Tiên L2, Phan Tiên Ph, Phan Thị Mỹ Q1 (chết, không có thông tin liên lạc) và Phan Tiên M2 (chết, không có thông tin liên lạc).

3. Ông Phan Vu D (chết 1989); vợ (không rõ họ tên, năm chết). Ông D và vợ có 04 người con gồm Phan Thị C2, Phan Thị N3; Phan Thị H9 (tức Phan Thị Kim A1); Phan Tiên Ph.

4. Bà Phan Thị X (chết 1971); (chồng đã chết), bà X có 07 người con gồm: Trương Thị H3; Đào Thị T5, Đào Thị Thùy Nh, Lê Trương A2, Đào Thị Th2, Đào Trọng V3, Đào Thanh K1 (chết 2018), ông K1 có vợ là bà Võ Thị Xuân Ng1 và 06 người con gồm: Đào Thanh Q, Đào Thanh T6, Đào Thanh H4, Đào Thanh H5, Đào Thị Thanh T7 và Đào Thị N5.

Bà Phan Thị B1 (chết 2010); chồng là ông Nguyễn H11 (chết); Bà B1 và ông H11 có 04 người con gồm: Phan Ánh T8, Nguyễn Thị Bạch Đ1, Nguyễn Thị Bạch S1, Nguyễn Thị Bạch L3 (chết), bà L3 có chồng là Nguyễn Khắc Ph (chết) và các người con gồm Nguyễn Khắc Điền V4, Nguyễn Khắc Điền V6, Nguyễn Khắc Điền V5.

5. Bà Phan Thị L4 (chết 2004); chồng là ông Trần S2 và 02 con chung là ông Trần Minh C1 và bà Trần Thị Minh Kh.

6. Ông Phan Vu H12 (chết năm 1946).

7. Ông Phan Vu H13 (chết năm 1946);

8. Bà Phan Thị D1 (chết từ nhỏ không nhớ năm).

Ông H12, ông H13 và bà D1 đều chết khi còn nhỏ chưa có gia đình.

Vào năm 1945, ông Đ1 và bà Th4 lập di chúc phân chia tài sản cho các con. Theo đó, toàn bộ nhà và đất mà hiện nay ông T đang tranh chấp tọa lạc tại các thửa đất số 90, 91 tờ bản đồ số 03 thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa là phần di sản ông Đ1, bà Th4 để lại làm nơi thờ tự. Sau khi ông Đ1 và bà Th4 chết, ông Phan Vu H10 là người quản lý toàn bộ nhà, đất nêu trên. Trong quá trình quản lý, do là anh em nên ông Phan Vu H10 có cho gia đình bà Phan Thị Th10 vào cùng ở trên đất hương hỏa gia đình. Sau khi bà Th10 qua đời, bà Nguyễn Thị C đã tiến hành kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số H 00389 ngày 09/6/2006 đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03 với diện tích 3360m². Năm 2014, nhà nước thực hiện dự án khu tái định cư xã V2, huyện V1 đã tiến hành giải tỏa, thu hồi 416,2m² thuộc thửa 91 và 567m² thuộc thửa 90. Trong quá trình sử dụng nhà, đất này, bà Nguyễn Thị C đã tháo dỡ những tài sản quý, hiếm bằng gỗ Huỳnh đàn như bàn, ghế, cửa... bán cho ông Mai Ngọc H14.

Nay ông Phan Tiên T khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận di sản thừa kế là nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 3360m² thuộc thửa 91 và diện tích đất 2235m² thuộc thửa đất số 90 đều tọa lạc tại thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa là di sản thừa kế do ông Phan Quang Đ1, bà Nguyễn Thị Th4 để lại cho cha ông là Phan Vu H10 và giao cho ông sử dụng vào việc thờ cúng. Đồng thời, ông T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00389 do Ủy ban nhân dân huyện V1 cấp cho ông Trần L5 (chết) và bà Nguyễn Thị C ngày 09/6/2006; tranh chấp đối với các khoản tiền gồm: Tiền bà C đã tháo bán các đồ gỗ quý của căn nhà trên đất hiện nay; tiền bồi thường khi nhà nước giải tỏa quy hoạch.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà là con của bà Phan Thị Th10, là cháu ngoại của ông Phan Quang Đ1 và bà Nguyễn Thị Th4. Ông Đ1 và bà Th4 có 09 người con chung gồm:

Bà Phan Thị Th10: Thống nhất như nguyên đơn trình bày.

Ông Phan Vu H10: Thống nhất như nguyên đơn trình bày.

Ông Phan Vu D: Ông D có tất cả 05 người con. Ngoài 04 người con của ông D như nguyên đơn trình bày thì còn có người con là bà Phan Thị Mỹ N6. Tuy nhiên, hiện nay tôi không có thông tin gì về bà N6, không biết bà N6 làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết nên không cung cấp cho Tòa án được.

Bà Phan Thị X: Thống nhất như nguyên đơn trình bày.

Bà Phan Thị B1 (chết 2010), chồng là ông Nguyễn H11 (chết), bà B1 và ông H11 có 04 người con gồm: Nguyễn Thị Bạch Đ1 (không biết thông tin, địa chỉ); Nguyễn Thị Bạch L3 (đã chết) có chồng là Nguyễn Khắc Ph (đã chết), bà L3 và ông Ph có 05 người con, tuy nhiên tôi không biết họ tên, địa chỉ và thông tin của những người này nên không thể cung cấp cho Tòa án được; Nguyễn Thị Bạch S1 hiện đang sống ở Sài Gòn; Phan Anh T12 hiện đang sống ở thôn M2, xã V2, huyện V1.

Bà Phan Thị L4: Thống nhất như nguyên đơn trình bày.

Ông Phan Vu H12: Thống nhất như nguyên đơn trình bày

Ông Phan Vu H13: Thống nhất như nguyên đơn trình bày.

Bà Phan Thị D1: Thống nhất như nguyên đơn trình bày.

Ông Đ1 chết có để lại một bản di chúc do ông T đang giữ; bà Th4 có để lại một bản di chúc hiện nay ông Nguyễn Văn T2 đang giữ bản chính còn bà chỉ có bản sao, nội dung di chúc là bà Th4 để lại toàn bộ tài sản cho mẹ của bà là bà Phan Thị Th10.

Nguồn gốc của nhà, đất tại các thửa số 90 và 91 tờ bản đồ số 3 thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa là do ông bà ngoại của bà là ông Phan Quang Đ1 và bà Nguyễn Thị Th4 tạo lập. Sau đó ông Đ1, bà Th4 để lại cho cha mẹ của bà là ông Nguyễn C3 và bà Phan Thị Th10, bà Th10 và ông C3 đã sống tại nhà, đất này từ năm 1954. Ông C3 và bà Th10 chết không để lại di chúc. Tuy nhiên, đây là tài sản ông, bà ngoại đã cho cha mẹ của bà nên ông C3 và bà Th10 chết thì tài sản này thuộc về ba anh em của bà là Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị V7. Năm 2006, bà đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì lúc này ông T2 và bà V7 đang ở nước ngoài.

Nay ông Phan Tiên T khởi kiện thì bà không đồng ý vì theo nội dung bản di chúc do ông Đ1 và bà Th4 lập vào năm 1945 thì toàn bộ phần nhà, đất mà nguyên đơn đang tranh chấp là phần mà Bản di chúc đã chỉ định cho ông Phan Vu H13 được hưởng. Năm 1946 ông Đ1 và ông H13 chết thì một mình bà Th4 sống và quản lý nhà, đất này. Đến năm 1955, bà Th4 lập văn khế trích hứa tặng cho bà Phan Thị Th10 toàn bộ nhà, đất này. Việc bà Th4 lập Văn khế trích hứa có sự đồng ý của những người con trong gia đình gồm: ông H10, bà X (Xíu), bà B1 đã ký vào văn bản này, nên đây là tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của mẹ bà. Cha mẹ của bà chết không để lại di chúc nên đây là tài sản hợp pháp của 03 anh em của bà là Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị V7.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ Bà Phan Thị Mỹ L1: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tiên T vì toàn bộ nhà, đất hiện nay các bên đang tranh chấp đúng là nhà từ đường của ông bà nội của bà là ông Phan Quang Đ1 và Nguyễn Thị Th4 để lại.

+ Bà Phan Thị Th3 trình bày: Bà là con đẻ của ông Phan Vu H10, về nguồn gốc tài sản mà hiện nay nguyên đơn ông T khởi kiện tranh chấp, bà hoàn toàn thống nhất với ý kiến của ông. Về số người con, tên các người con, thời gian chết và gia đình con cháu của ông, bà nội là ông Đ1 và bà Th4 thì bà thống nhất với lời khai của ông T và bà C, không bổ sung gì thêm vì không nhớ được hết.

Nay bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tiên T, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao tài sản cho ông T trực tiếp trông coi, quản lý để làm nơi thờ cúng ông, bà tổ tiên.

+ Bà Đào Thị T5, bà Trương Thị H3 trình bày: Các bà là con của Phan Thị X, cháu ngoại của ông Phan Quang Đ1 và bà Nguyễn Thị Th4. Bà X có 07 người con gồm: Trương Thị H3, Đào Thị Th2, Đào Thị T5, Đào Thị Thùy Nh, Đào Thanh K1, Đào Trọng V3, Lê Trường A. Các bà xác định

toàn bộ nhà, đất hiện nay các bên đang tranh chấp là do ông Phan Quang Đ1 và bà Nguyễn Thị Th4 tạo lập. Phần nhà biệt thự theo nội dung bản di chúc cho ông Phan Vu H13 nằm ở vị trí khác (ở ngoài ốc đảo) nơi mà ông bà ngoại của bà dùng để tiếp khách và nghỉ dưỡng, mỗi lần đi ra thì phải đi bằng ghe. Sau khi được xem tờ văn khế trích hừa lập năm 1955 có chữ ký của bà Phan Thị X (bản photo), các bà khẳng định đó không phải chữ ký của bà Phan Thị X. Nay các bà đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế.

+ *Bà Phan Thị N3, ông Phan Tiên Ph trình bày.* Chúng tôi là con ruột của ông Phan Vu D, là cháu nội của ông Phan Quang Đ1 và bà Nguyễn Thị Th4. Chúng tôi xác nhận căn nhà mà ông Phan Tiên T đang tranh chấp không phải từ đường dòng họ Phan. Nhà từ đường của dòng họ Phan tọa lạc tại thôn HL, xã V2 và đã bị tàn phá trong chiến tranh, một số hộ dân chiếm làm nơi cư trú. Căn nhà, địa tại thôn TĐĐ hiện nay là nhà nghỉ của bà Nguyễn Thị Th4, sau đó chuyển nhượng cho bà Phan Thị Th10, việc chuyển nhượng đã được cha ông T, cha chúng tôi và các cô đều đồng ý. Nay ông Phan Tiên T tranh chấp là hoàn toàn sai trái, đã đi ngược nguyện vọng của các cô, chú, bác trong dòng họ Phan.

+ *Bà Phan Ánh T8 trình bày :* Tôi là con riêng của bà Phan Thị B1 nên lấy họ Phan, là cháu ngoại của ông Phan Quang Đ1 và bà Nguyễn Thị Th4. Bà Phan Thị B1 có 04 người con gồm: Tôi, Nguyễn Thị Bạch Đ1, Nguyễn Thị Bạch L3, Nguyễn Thị Bạch S1. Bà L3 hiện đã chết từ lâu tôi không nhớ rõ. Hiện nay, tôi không biết thông tin gì về bà Đ1, bà S1 và các con của bà L3, tôi cũng không có địa chỉ của những người này để cung cấp cho Tòa án.

Nguồn gốc tài sản hiện ông Phan Tiên T đang tranh chấp do ai tạo dựng thì tôi hoàn toàn không biết vì lúc đó tôi còn rất nhỏ. Nay ông T khởi kiện tranh chấp số tài sản này thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi không muốn liên quan gì đến việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt tôi, tôi không khiếu nại gì về sau.

+ *Ông Trần Văn S2 trình bày:* Tôi là chồng của bà Phan Thị L4. Tài sản hiện các bên đang tranh chấp tôi không biết do ai tạo lập. Tháng 11/1945 tôi và bà L4 từ miền bắc về thì đã thấy gia đình bà Phan Thị Th10 đang sinh sống tại đây rồi. Tôi không biết gì về Di chúc cũng như Văn khế trích hừa. Nay các bên tranh chấp khối tài sản này thì tôi không có ý kiến gì. Vì già yếu và ở xa nên tôi xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

+ *Ông Trần Minh C1 trình bày:* Tôi là con của bà Phan Thị L4, là cháu ngoại của ông Phan Quang Đ1 và bà Nguyễn Thị Th4. Tôi không biết gì về nguồn gốc số tài sản hiện các bên đang tranh chấp, tôi cũng không biết gì về Di chúc. Tôi xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án này.

+ *Ông Huỳnh Bá S3 trình bày.* Phần diện tích đất địa trước đây tôi nhận chuyển nhượng của bà C là đất do bà C khai hoang ở vị trí khác chứ không phải

thửa đất số 90 mà hiện nay các bên đang tranh chấp, hiện nay toàn bộ diện tích đất địa này đã bị nhà nước thu hồi. Tôi là con rể của bà C, khi bà C đi nước ngoài thì có giao cho tôi quản lý toàn bộ nhà, đất này. Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Bà L3 Thị R trình bày. Tôi được bà Nguyễn Thị C thuê để trông coi và giữ nhà, đất này nên về nguồn gốc nhà, đất như thế nào tôi không biết. Hiện nay, việc khởi kiện của các bên tôi cũng không biết và không có ý kiến gì. Tôi đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia trong vụ án này vì tôi không liên quan, tôi xin được vắng mặt tại tất cả các lần giải quyết vụ án này.

+ Ủy ban nhân dân huyện V1 trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00389 ngày 09/6/2006 cho bà Nguyễn Thị C, ông Trần L5 (chết) là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận, nên việc ông Phan Tiên T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì Ủy ban nhân dân huyện V1 không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án vì lý do công tác nên Ủy ban nhân dân huyện V1 xin được vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa giải quyết vụ án.

+ Ông Đào Thanh Q trình bày: Tôi là con của ông Đào Thanh K1, là cháu nội của bà Phan Thị X, là cháu của ông Phan Quang Đ1 và bà Nguyễn Thị Th4. Theo tôi được biết thì nhà, đất hiện nay nguyên đơn ông Phan Tiên T đang tranh chấp là của ông bà cố tôi là ông Phan Quang Đ1, bà Nguyễn Thị Th4 tạo lập. Khi tôi lớn thì thấy bà cố là bà Nguyễn Thị Th4 sống tại nhà, đất này. Việc bà cố Th4 có chuyển dịch tài sản này cho mẹ bà C hay không thì tôi không biết.

Nay tôi hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tiên T. Bởi vì nhà, đất này là di sản của ông Đ1 và bà Th4 để lại. Tôi đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, nếu trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phần thừa kế của các anh, chị em tôi đề nghị nhập chung với ông Phan Tiên T để dùng làm nhà từ đường thờ cúng ông bà tổ tiên.

+ Ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Nguồn gốc nhà, đất mà hiện nay nguyên đơn ông Phan Tiên T tranh chấp là do cha mẹ ông T2 là ông Nguyễn C3 và bà Phan Thị Th10 (đã chết) tạo lập. Bà Th10 và ông C3 có 03 người con là Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị V7. Bà Th10 chết năm 1974 không để lại di chúc. Sau khi bà Th10 chết, vợ chồng ông T2 cùng bà V7 và ông C3 cùng sống tại nhà, đất này còn bà C sống ở quê chồng tại Quảng Nam. Đến năm 1976, bà C về mua nhà tại đất số 62, tờ bản đồ số 03 thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1 để sinh sống. Năm 1989, ông T2 cùng các con và bà Nguyễn Thị V7 sang định cư tại Hoa Kỳ còn vợ là bà Mai Thị Tuyết A3 ở lại trên nhà, đất này chăm

sóc cha chồng là ông Nguyễn C3. Năm 1995, gia đình bà C về sinh sống tại nhà đất này. Năm 1996, bà Mai Thị Tuyết A3 sang Mỹ đoàn tụ với ông T2 thì bà C và ông L5 quản lý nhà, đất này. Năm 2006, bà C tự ý đi kê khai và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00389 ngày 09/6/2006 đối với thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03 diện tích 3360m² cho ông Trần L5 (chết) và bà Nguyễn Thị C.

Ngày 12/10/2011, ông T2, bà V7 và bà C có buổi họp gia đình (Biên bản họp gia đình có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V2), tất cả đều xác nhận toàn bộ diện tích đất nói trên và tài sản hiện có là của ông Nguyễn C3 và bà Phan Thị Th10 để lại. Ông C3, bà Th10 chết không để lại di chúc và những người thừa kế hợp pháp của ông C3 bà Th10 đều xác định đây là tài sản chung chưa chia và mọi người đều thống nhất việc định đoạt toàn bộ các tài sản trên phải được sự đồng ý của cả ba người. Tuy nhiên, sau đó bà C đã tự ý bán toàn bộ số đồ gỗ huỳnh đàn trong gia đình mà không được sự đồng ý của những người còn lại. Nay, ông Nguyễn Văn T2 yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông, bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị V7 là lô đất có diện tích 3.360m² thuộc thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03 đã được ủy ban nhân dân huyện V1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 00389 ngày 09/6/2006 cho bà Nguyễn Thị C, lô đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 2.235m² thuộc thửa đất số 90, tờ bản đồ và 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 170m² tại thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật.

+ Bà Nguyễn Thị V7 trình bày: Nguồn gốc nhà, đất hiện nay ông Phan Tiên T đang tranh chấp là do cha mẹ tôi là ông Nguyễn C3 và bà Phan Thị Th10 tạo lập. Cha mẹ chết không để lại di chúc nên đây là tài sản chung của các anh chị em gồm Nguyễn Văn T2, Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị V7. Nay ông T2 yêu cầu chia tài sản chung đối với khối tài sản này thì tôi đồng ý theo yêu cầu của ông T2, không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tiên T. Nếu Tòa án chia thì xin nhận bằng hiện vật.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020
Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:**

Áp dụng Điều 34; Điều 37; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 228; Điều 244 và Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 1; Điều 2, khoản 2 Điều 4; khoản 2 Điều 5; Điều 6; Điều 24; Điều 25; Điều 35 của Pháp lệnh thừa kế ngày 10/9/1990;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH ngày 24/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của nguyên đơn gồm: Tranh chấp giá trị căn nhà và cây ăn trái hiện có trên thửa đất số 22 (số cũ là 91) tọa lạc tại thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa; Tranh chấp đối với số tiền bà Nguyễn Thị C đã bán các vật dụng bằng gỗ quý; Tranh chấp đối với số tiền bồi thường cho hai thửa đất số 22 (số cũ là 91) và số 30 (số cũ là 90) khi nhà tiến hành giải tỏa, quy hoạch đô thị.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tiên T về việc chia phần di sản của cụ Phan Quang Đ1 theo pháp luật.

Chia phần di sản của cụ Phan Quang Đ1 để lại gồm: 1/2 thửa đất số 91 (nay là thửa số 22) và 1/2 thửa đất địa số 90 (nay là thửa số 30), tọa lạc tại thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế gồm: Cụ Nguyễn Thị Th4, các ông bà Phan Thị Th10, Phan Vu H10, Phan Vu D, Phan Thị B1, Phan Thị X, Phan Thị L4. Ghi nhận công sức gìn giữ khối di sản của gia đình bà Phan Thị Th10, phần công sức gìn giữ khối di sản được tính bằng hiện vật và có giá trị bằng một kỷ phần thừa kế.

Cụ thể: Chia cho ông Phan Tiên T lô đất ký hiệu A đối với thửa số 22 (số cũ là 91) có diện tích là 1.101,5m² (trong đó có 125m² đất ở và 976,5m² đất trồng cây lâu năm) và lô đất địa ký hiệu C đối với thửa số 30 (số cũ là 90) có diện tích là 618,9m². (có bản vẽ kèm theo).

Ông Phan Tiên T có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị của kỷ phần thừa kế cho các thừa kế của các ông bà Phan Vu H10, Phan Vu D, Phan Thị B1, Phan Thị X, Phan Thị L4, cụ thể giá trị của mỗi kỷ phần thừa kế là 73.808.610đ (bảy mươi ba triệu tám trăm lẻ tám ngàn sáu trăm mười đồng) khi họ có yêu cầu.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tiên T: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 735859, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00389 ngày 09/6/2006 của Ủy ban nhân dân huyện V1, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông Trần L5 (chết) và bà Nguyễn Thị C.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T2: Chia khối tài sản chung do bà Phan Thị Th10 để lại gồm: thửa đất số 91 (nay là thửa số 22), 1/2 thửa đất địa số 90 (nay là thửa số 30), kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th4, kỷ phần thừa kế của bà Phan Thị Th10, phần công sức gìn giữ di sản của gia đình bà Phan Thị Th10 được tính bằng hiện vật, tất cả đều tọa lạc tại thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa theo quy

định của pháp luật. Cụ thể:

+ Chia cho bà Nguyễn Thị V7 lô đất ký hiệu B1 của thửa số 22 (số cũ là 91) có diện tích là $807,9\text{m}^2$ (trong đó có $91,6\text{m}^2$ đất ở và $716,3\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) và lô đất địa ký hiệu D3 đối với thửa đất số 30 (số cũ là 90) có diện tích là $453,9\text{m}^2$. (có bản vẽ kèm theo).

+ Chia cho ông Nguyễn Văn T2 lô đất ký hiệu B3 của thửa số 22 (số cũ là 91) có diện tích là $807,8\text{m}^2$ (trong đó có $91,6\text{m}^2$ đất ở và $716,2\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) và lô đất địa ký hiệu D1 đối với thửa đất số 30 (số cũ là 90) có diện tích là $453,9\text{m}^2$. (có bản vẽ kèm theo).

+ Chia cho bà Nguyễn Thị C lô đất ký hiệu B2 của thửa số 22 (số cũ là 91) có diện tích là $807,9\text{m}^2$ (trong đó có $91,6\text{m}^2$ đất ở và $716,3\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm) và lô đất địa ký hiệu D2 đối với thửa đất số 30 (số cũ là 90) có diện tích là $453,9\text{m}^2$. (có bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/3/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị V7; ngày 27/3/2020 nguyên đơn ông Phan Tiên T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 25/3/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 43/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bị đơn đã nhận thức không đúng về di sản thừa kế của các cố Phạm Quang Đ1, Nguyễn Thị Th4 nên xác định di sản đang tranh chấp là của riêng cụ Th4 cho cụ Th10 là không đúng, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên quan điểm như trong quá trình giải quyết vụ án, di sản của cố Nguyễn Thị Th4 đã tặng cho cố Phan Thị Th10 nên đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận tài sản tranh chấp là của các con của cố Thiệu là Bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị V7.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khẳng định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ vì di sản thừa kế không còn, tài sản là của riêng của cụ Phan Thị Th10, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự như quan điểm thể hiện tại Quyết định kháng nghị, do vậy đề nghị HĐXX hủy án

sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[1] Xét kháng cáo của ông Phan Tiên T về việc không công nhận “Văn khế trích hứa” và không đồng ý chia cho cụ Phan Thị Th10 1 kỷ phần thừa kế của cô Đ1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

“Văn khế trích hứa” được Hội đồng hương chính và đại diện xã V8 chứng nhận ngày 13/2/1955 có nội dung cô Nguyễn Thị Th4 cho con gái là cụ Phan Thị Th10 một khu vườn, một nhà ngói ba cái, hai cái địa của vợ chồng cô tạo lập và cho cụ Th10 luôn phần của con trai út là cụ Phan Vu H13 do cụ H13 mất sớm. Trên cơ sở đó, cụ Th10 đã gửi đơn đề nghị chính quyền điều chỉnh tên trên danh bộ để nộp thuế và đề nghị đổi quyền nghiệp chủ được chính quyền địa phương xác nhận ngày 31/7/1959. Do đó, có căn cứ xác định cô Th4 đã định đoạt phần tài sản của cô trong khối tài sản chung với cô Đ1, cho đoạn con gái là cụ Phan Thị Th10 theo văn khế trích hứa. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T cũng thống nhất nếu có căn cứ xác định văn khế trích hứa có giá trị pháp lý thì đồng ý và chỉ yêu cầu chia thừa kế di sản của cô Đ1 để lại nên kháng cáo của ông T cho rằng Văn khế trích hứa không có giá trị pháp lý và yêu cầu chia thừa kế của cô Th4 là không có cơ sở.

Sau khi cô Đ1 mất, cụ Th10 là người chung sống với cô Th4, văn khế trích hứa cô Th4 cũng ghi rõ cụ Th10 là trưởng nữ có nhiều công sức đóng góp trong gia đình, có điều kiện thuận tiện trong việc chăm sóc cụ. Quá trình sử dụng đất, cụ Th10 đã thực hiện việc đóng thuế, tôn tạo đất (địa bị sụt lở), duy trì và bảo quản khối di sản của cô Đ1 để lại. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho cụ Th10 công sức tương đương 1 kỷ phần thừa kế là phù hợp, kháng cáo của ông T là không có căn cứ.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Đối với nội dung thiếu người tham gia tố tụng, không xác minh làm rõ địa chỉ của đương sự để thực hiện thủ tục tố tụng và việc ủy quyền không hợp pháp:

- Tại Biên bản lấy lời khai bà R (BL 439) bà R xác định bà chỉ là người được bà C thuê trông coi nhà cửa, không có quyền lợi gì, không liên quan gì nên đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn đưa bà R vào tham gia nên kháng nghị cho rằng không đưa bà R vào tham gia tố tụng là

không đúng.

- Đối với việc xác minh địa chỉ và đưa vào tham gia tố tụng các đương sự thì: bà Nguyễn Thị Bạch Đ1 không ai biết địa chỉ, không rõ bà Đ1 ở đâu, chỉ có lời khai của ông S3 mỗi khi về Việt Nam thì bà Đ1 ở nhà bà T8 (người liên quan trong vụ án); ông T khai cụ D có 04 người con, bà C khai cụ D có 05 người con gồm có bà Phan Thị Mỹ N6 nhưng không có bất kỳ thông tin gì về bà N6, không biết bà N6 còn sống hay đã chết. Do đó, việc xác minh, làm rõ địa chỉ của bà Đ1, bà N6 là không thể thực hiện được nên theo tinh thần án lệ số 06 thì phần tài sản thừa kế của những người này sẽ tạm giao cho những người trong nước quản lý để sau này giao lại cho họ nên quyền lợi của bà Đ1, bà N6 (nếu có) vẫn đảm bảo.

- Mặc dù quyết định đưa vụ án ra xét xử không đưa một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như bà Nguyễn Thị Bạch S1, ông Nguyễn Khắc Điền V4, ông Nguyễn Khắc Điền V5 và ông Nguyễn Khắc Điền V6 vào tham gia tố tụng nhưng trong bản án sơ thẩm đã đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đây không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Ông Đào Trọng V3 (con bà X) và ông Phan Tiên Ph (con ông H10) ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng, văn bản ủy quyền lập tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ được công chứng (Notary public) tại Văn phòng thị thực thuộc các bang California và Texas. Trên cơ sở các Văn bản ủy quyền này, ông T đã tiến hành tuyên thệ trước Tổng lãnh sự quán Hợp chủng quốc Hoa Kỳ tại thành phố Hồ Chí Minh về tính xác thực của 02 văn bản ủy quyền, bản tuyên thệ được Sở ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, thủ tục ủy quyền của ông V3 và ông Ph cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Giấy ủy quyền đề ngày 31/8/2018 có nội dung các ông, bà Võ Thị Xuân Ng1, Đào Thị Th5, Đào Thanh H4, Đào Thanh H15, Đào Thanh T6, Đào Thanh T7, Đào Thanh N5 ủy quyền cho ông Đào Thanh Q tham gia tố tụng. Tuy giấy ủy quyền có sai sót như tên người chứng và người ký chứng khác nhau, một số đương sự không cung cấp Chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân nhưng sai sót này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của những người ủy quyền vì bản án tuyên buộc ông T phải bồi trả cho những đồng thừa kế của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cố Đ1 và cố Th4 gồm: cụ H10, cụ D, cụ B1, cụ X, cụ L4 khi họ có yêu cầu nên quyền lợi của những người ủy quyền không bị xâm phạm, đồng thời sau khi xét xử sơ thẩm họ cũng không có ý kiến khiếu nại gì.

Tóm lại, đối với những sai sót thủ tục tố tụng mà kháng nghị đã nêu như chưa xác minh làm rõ địa chỉ một số người liên quan cũng như thủ tục ủy quyền không đảm bảo nhưng khi chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm chia theo kỹ phần lớn (hàng thừa kế thứ nhất của cố Đ1), giao cho ông T quản lý và sẽ có nghĩa vụ thanh toán lại khi có yêu cầu nên quyền lợi của những người liên quan vẫn được

bảo đảm, đây không phải là vi phạm nghiêm trọng về mặt tố tụng, không làm thay đổi bản chất vụ án.

[2.2] Về việc định giá tài sản: Sau khi định giá theo giá bồi thường khi thu hồi đất (giá Nhà nước), các đương sự trong vụ án đều đã được thông báo về kết quả định giá nhưng không ai có ý kiến khiếu nại gì. Xét những người được hưởng thừa kế chia thành hai nhóm: Nhóm những người thừa kế các cụ H10, cụ X, cụ B1, cụ L4 xác định đồng ý nhập phần của mình vào khối chung để ông T xây dựng nhà từ đường, thờ cúng ông bà tổ tiên hoặc không muốn liên quan gì đến việc tranh chấp, không có yêu cầu gì. Nhóm những người thừa kế của cụ D lại xác định cổ Th4 đã cho cụ Th10 nên cũng không còn quyền lợi gì (Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tuyên buộc ông T có nghĩa vụ bồi trả để đảm bảo quyền lợi cho những người thừa kế vắng mặt). Như vậy, chỉ còn ông T và bà C, bà V7, ông T2 là yêu cầu chia và nhận di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia hiện vật cho cả 04 người, cụ thể: ông T lô đất có ký hiệu A, C, bà C lô B2, D2, bà V7 lô B1, D3 và ông T2 lô B3, D1 nghĩa là chỉ chia hiện vật nên việc định giá theo giá bồi thường khi thu hồi đất không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các đương sự.

[2.3]. Đối với việc xác định ngày mất của cố Đ1 cũng như di sản thừa kế của cố Đ1 để lại:

- Các đương sự đều khai năm 1946, cố Đ1 đi thăm ruộng dẫn theo hai con trai là cụ H12, cụ H13 (lúc này còn nhỏ, chưa có vợ con) thì bị bắt và mất tích từ đó nên việc xác định chính xác ngày mất của cố Đ1 và các con trai là cụ H12, cụ H13 không thể thực hiện được. Sau đó cố Th4 gửi bài vị của cố Đ1, cụ H12, cụ H13 lên chùa và được nhà chùa cúng cùng một ngày nên việc bà C khai cố Đ1 bị bắn chết còn hai cậu là cụ H12, cụ H13 bỏ C được là không có căn cứ chấp nhận.

- Tại Bản chúc ngôn tương phân lập ngày 10 tháng 5 năm Ất Dậu, thể hiện:

Điều khoản thứ hai: từ đường vườn nhà 1 mẫu, trong vườn có trồng cây cau, nhà ngói 03 nóc đều tại xã HL Dời sau vợ chồng lão 100 tuổi giao trai trưởng Phan Vu H10 phụng nhận.

Điều khoản thứ ba: Trích nhà ngói 03 nóc và đất ao tại TĐ.... vợ chồng lão làm nơi nghỉ mát, gọi là biệt thự để an dưỡng.... rồi giao cho Phan Vu H13 cư trú quản nghiệp.

Điều khoản thứ 5:Di chúc cho Phan Vu H10 từ đường....

Điều khoản thứ 6: Di chúc cho Phan Vu H13 biệt thự...

Theo lời khai của người làm chứng là ông Võ Thiện B2 (là hàng xóm lâu năm sinh sống tại thôn TĐ đồng thời là đại diện xã thời điểm đó) và ông Phạm Văn K2 (Pháp danh TD) trụ trì chùa Tổ Đình LS thuộc thôn HL, xã V2 đều khẳng định ngôi nhà đang tranh chấp là nhà chính của cố Đ1 và cố Th4, hai cố sinh sống tại đây cho đến khi mất, là nơi thờ phụng ông bà tổ tiên, ông Bưng còn khẳng định căn biệt thự là ngôi nhà khác cố Đ1 và cố Th4 dùng để nghỉ dưỡng, tiếp khách đã

bị bom phá hoàn toàn là phù hợp với bản chúc ngôn nêu trên thể hiện các cổ có hai căn nhà khác nhau (nhà từ đường và nhà biệt thự); nguyện vọng để nhà từ đường cho con trai cả Phan Vu H10 và để nhà biệt thự cho con trai út Phan Vu H13. Mặt khác, Bản Chúc ngôn tương phân được lập tại TĐ, giấy khai sinh của ông T2 cũng xác định cụ Th10 sinh quán tại TĐ. Như vậy có căn cứ xác định, ngôi nhà đang tranh chấp là căn nhà chính (từ đường) mà cổ Đ1 và cổ Th4 sinh sống từ trước cho đến khi mất và có nguyện vọng làm nhà từ đường, còn căn biệt thự làm nơi nghỉ dưỡng và có nguyện vọng cho con trai út là cụ H13 là căn nhà khác. Sau khi cổ Đ1 mất, cụ Th10 về chung sống với cổ Th4 tại nhà từ đường, chăm sóc cổ Th4 nên cổ Th4 lập Văn khế trích hứa cho cụ Th10 toàn bộ căn nhà chính (phần đường già của vợ chồng tôi) và phần cụ H13 được chia (phần ăn của con trai út Phan Vu H13 không may nó mất sớm...)

Văn bản lập ngày 13/4/1957, cụ D chỉ đồng ý cho cụ Th10 được quyền làm chủ và hưởng huê lợi cái địa cá tại làng Q2 là phần thực của em là Phan Vu H13 qua đời để lại, không có nội dung nào thể hiện đồng ý cho cụ Th10 được làm chủ nhà từ đường hay nhà biệt thự. Còn văn bản lập ngày 13/7/1959 không thể hiện do ai viết, không ai ký tên vào giấy nên không có căn cứ để xem xét.

Như vậy, mặc dù không có căn cứ xác định năm mất của cổ Đ1 nhưng có căn cứ xác định cổ Đ1 mất trước ngày cổ Th4 lập Văn khế trích hứa nên việc cổ Th4 định đoạt cả phần tài sản của cổ Đ1 để lại là không đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cổ Đ1 để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 90 và $\frac{1}{2}$ thửa đất số 91 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như mục [1.] đã phân tích và phân tích nêu trên thì cổ Th4 chỉ trích hứa cho đoạn cụ Th10 phần tài sản của mình còn di sản của cổ Đ1 để lại chưa chia, mặc dù cụ Th10 và các con là người quản lý, sử dụng đất trong một thời gian dài nhưng không phải là căn cứ để xác định rằng việc phân chia di sản đã được thực hiện trên thực tế, được điều chỉnh trên sổ sách giấy tờ, không vi phạm quyền lợi của bất kỳ thừa kế nào để áp dụng Án lệ số 24 như kháng nghị đã phân tích.

[2.4]. Đối với việc đình chỉ xét xử và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự: Tuy Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót như kháng nghị đã phân tích nhưng không làm thay đổi nội dung giải quyết của vụ án, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa

[3.] Xét kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị V7 đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận toàn bộ nhà đất tại thửa đất số 90, 91 là di sản của cụ Th10, cụ C3 để lại và yêu cầu chia tài sản chung cho các đồng thừa kế của cụ Th10, cụ C3 theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà C, ông T2, bà V7 cho rằng ngôi nhà mà nguyên đơn đang tranh chấp không phải là nhà từ đường mà là căn nhà bà ngoại (cố Th4) cho cụ Th10 (mẹ của các Ông, Bà) được các anh chị em trong gia đình đồng ý nên cụ Th10 quản lý, sử dụng không có ai tranh chấp gì. Sau đó bà C đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên như trên đã phân tích, ngôi nhà đang tranh chấp chính là ngôi nhà cố Đ1, cố Th4 sinh sống từ trước khi sinh các con cho đến khi mất, sau khi cố Đ1 mất, cố Th4 cho cụ Th10 phần của mình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần tài sản của cụ Th10 gồm phần được cố Th4 cho và phần cụ Th10 được hưởng thừa kế của cố Đ1 và chia tài sản chung cho bà C, ông T2, bà V7 là có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của bà C, bà V7, ông T2 cũng không có căn cứ chấp nhận.

[4.] Ngoài ra, lúc sinh thời, cố Đ1 và cố Th4 tạo lập được rất nhiều đất đai, tài sản và có nguyện vọng giữ căn nhà từ đường để truyền tử lưu tôn, con cháu tụ họp khi giỗ, kỵ ông bà tổ tiên nhưng do quá trình chiến tranh tàn phá, tài sản do hai cố để lại chỉ còn thừa đất đang tranh chấp (do cháu ngoại là bà Nguyễn Thị C đang quản lý) nên nguyện vọng của ông T (là cháu nội, con của con trai trưởng là cụ Phan Vu H10) là chia một phần thừa đất để xây nhà thờ, thờ cúng ông bà tổ tiên là phù hợp với nguyện vọng của hai cố lúc còn sống cũng như phù hợp với đạo đức xã hội, phong tục tập quán lâu đời của người Việt Nam.

[5.] Ông T, bà C, bà V7, ông T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Tiên T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị V7, ông Nguyễn Tiến T2. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Khánh Hòa. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc “Tranh chấp tài sản thừa kế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia tài sản chung” giữa nguyên đơn là ông Phan Tiên T với bị đơn là bà Nguyễn Thị C.

Áp dụng Điều 34; Điều 37; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 228; Điều 244 và Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 1; Điều 2, khoản 2 Điều 4; khoản 2 Điều 5; Điều 6; Điều 24; Điều 25; Điều 35 của Pháp lệnh thừa kế ngày 10/9/1990;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH ngày 24/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 1037/2006/NQ-UBTVQH ngày 27/7/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu của nguyên đơn gồm: Tranh chấp giá trị căn nhà và cây ăn trái hiện có trên thửa đất số 22 (số cũ là 91) tọa lạc tại thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa; Tranh chấp đối với số tiền bà Nguyễn Thị C đã bán các vật dụng bằng gỗ quý; Tranh chấp đối với số tiền bồi thường cho hai thửa đất số 22 (số cũ là 91) và số 30 (số cũ là 90) khi nhà tiến hành giải tỏa, quy hoạch đô thị.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tiên T về việc chia phần di sản của cụ Phan Quang Đ1 theo pháp luật.

Chia phần di sản của cụ Phan Quang Đ1 để lại gồm: 1/2 thửa đất số 91 (nay là thửa số 22) và 1/2 thửa đất địa số 90 (nay là thửa số 30), tọa lạc tại thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế gồm: Cụ Nguyễn Thị Th4, các ông bà Phan Thị Th10, Phan Vu H10, Phan Vu D, Phan Thị B1, Phan Thị X, Phan Thị L4. Ghi nhận công sức gìn giữ khối di sản của gia đình bà Phan Thị Th10, phần công sức gìn giữ khối di sản được tính bằng hiện vật và có giá trị bằng một kỷ phần thừa kế.

Cụ thể: Chia cho ông Phan Tiên T lô đất ký hiệu A đối với thửa số 22 (số cũ là 91) có diện tích là 1.101,5m² (trong đó có 125m² đất ở và 976,5m² đất trồng cây lâu năm) và lô đất địa ký hiệu C đối với thửa số 30 (số cũ là 90) có diện tích là 618,9m². (có bản vẽ kèm theo).

Ông Phan Tiên T có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị của kỷ phần thừa kế cho các thừa kế của các ông bà Phan Vu H10, Phan Vu D, Phan Thị B1, Phan Thị X, Phan Thị L4, cụ thể giá trị của mỗi kỷ phần thừa kế là 73.808.610đ (bảy mươi ba triệu tám trăm lẻ tám ngàn sáu trăm mười đồng) khi họ có yêu cầu.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Tiên T: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 735859, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00389 ngày 09/6/2006 của Ủy ban nhân dân huyện V1, tỉnh Khánh Hòa cấp cho ông Trần L5 (chết) và bà Nguyễn Thị C.

4. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T2: Chia khối tài sản chung do bà Phan Thị Th10 để lại gồm: thửa đất số 91 (nay là thửa số 22), 1/2 thửa đất địa số 90 (nay là thửa số 30), kỷ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị Th4, kỷ phần thừa kế của bà Phan Thị Th10, phần công sức gìn giữ di sản của gia đình bà Phan Thị Th10 được tính bằng hiện vật, tất cả đều tọa lạc tại thôn TĐĐ, xã V2, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa theo quy định của

pháp luật. Cụ thể:

+ Chia cho bà Nguyễn Thị V7 lô đất ký hiệu B1 của thửa số 22 (số cũ là 91) có diện tích là $807,9m^2$ (trong đó có $91,6m^2$ đất ở và $716,3m^2$ đất trồng cây lâu năm) và lô đất địa ký hiệu D3 đối với thửa đất số 30 (số cũ là 90) có diện tích là $453,9m^2$. (có bản vẽ kèm theo).

+ Chia cho ông Nguyễn Văn T2 lô đất ký hiệu B3 của thửa số 22 (số cũ là 91) có diện tích là $807,8m^2$ (trong đó có $91,6m^2$ đất ở và $716,2m^2$ đất trồng cây lâu năm) và lô đất địa ký hiệu D1 đối với thửa đất số 30 (số cũ là 90) có diện tích là $453,9m^2$. (có bản vẽ kèm theo).

+ Chia cho bà Nguyễn Thị C lô đất ký hiệu B2 của thửa số 22 (số cũ là 91) có diện tích là $807,9m^2$ (trong đó có $91,6m^2$ đất ở và $716,3m^2$ đất trồng cây lâu năm) và lô đất địa ký hiệu D2 đối với thửa đất số 30 (số cũ là 90) có diện tích là $453,9m^2$. (có bản vẽ kèm theo).

5. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Phan Tiên T tự nguyện chịu hoàn toàn chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không xét.

6. Về án phí: Ông Phan Tiên T phải nộp 18.452.152 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000329 ngày 03/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Như vậy ông Phan Tiên T còn phải nộp 18.152.152 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T2 phải nộp 13.531.975 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/0007573 ngày 12/5/2016 và 6.666.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/0007501 ngày 26/01/2015 đều của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Như vậy ông Nguyễn Văn T2 còn phải nộp 5.615.975 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị V7 mỗi người phải nộp 13.531.975 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Tiên T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001219 ngày 13/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Ông Nguyễn Văn T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001193 ngày 19/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001195 ngày 23/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bà Nguyễn Thị V7 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001192 ngày 19/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn